

Phụ lục

DANH MỤC HÀNG HÓA

GÓI THẦU: MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT Y TẾ, VẬT TƯ NHÀ KHOA VÀ SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN IN VITRO

(Kèm theo Công văn số: /BVBS-KD ngày /10/2026 của Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY HUYẾT HỌC SYSMEX XN-550				
1	Dung dịch đo hemoglobin	Hộp: 3lọ x 500ml Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu. Thành phần: Sodium lauryl sulfate ≥ 1.7 g/L	Hộp	6
2	Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Thùng: 5 lít Công dụng: sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes. Thành phần: Organic quaternary ammonium salts $\geq 0.07\%$; Nonionic surfactant $\geq 0.17\%$	Thùng	7
3	Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Hộp: 2 lọ x 42ml Công dụng: sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes. Thành phần: Polymethine $\geq 0.002\%$; methanol $\geq 3.0\%$; Ethylene Glycol $\geq 96.9\%$	Hộp	3
4	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	Thùng: 20 lít Công dụng: sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu, cũng là chất ly giải để đo Hemoglobin, và là dung dịch tạo dòng cho phương pháp đo tế bào dòng chảy Thành phần: Sodium chloride $\geq 0.7\%$; Tris buffer $\geq 0.2\%$; EDTA-2K $\geq 0.02\%$	Thùng	25
HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY SINH HÓA ERBA XL200				
5	Hóa chất định lượng Bilirubin Total	Bộ gồm: 3*44ml+3*11ml. Thành phần: R1 Sulphanilic Acid 28,87 mmol/l HCL 58.8 mmol/l Cetrimide 68.6 mmol/l. R2 Sodium Nitrite 2.90 mmol/l	Bộ	2

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
6	Hóa chất định lượng Creatinin	Bộ: R1:1 lọ x 44ml , R2: 1 lọ x 11ml. Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l R2: Picric Acid 26 mmol/l	Bộ	35
7	Hóa chất định lượng Creatinin-kinase (CK)	Bộ hoá chất gồm: RA: 1x80ml, RB: 1x20ml. Thành phần: Hóa chất A: Good's buffer: 125mmol/L, Magnesium acetate: 12,5mmol/L, D-Glucose: 25mmol/L, N-Acetyl-L-cysteine: 25mmol/L NADP: 2,5mmol/L EDTA: 2,0mmol/L, Hexokinase: 6.500U/L Hóa chất B: ADP: 15,2mmol/L, AMP: 25mmol/L, Creatine Phosphate: 103mmol/L, G-6- PDH > 8.800U/L, Di-adenosine 5-phosphate: 103mmol/L.	Bộ	6
8	Hóa chất định lượng Total Protein	Lọ 44ml. Thành phần Copper II Sulphate 12 mmol/l; Potassium Sodium Tartrate 31.9 mmol/l; Potassium Iodide 30.1 mmol/l; Sodium Hydroxide 0.6mol/l.	Lọ	10
HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY SINH HÓA MINDRAY BS-360E				
9	Hóa chất định lượng Bilirubin- Direct	Bộ gồm: R1:4×20mL+R2:1×20mL Thành phần: R1: Hydrochloric acid: 0,42%, Sulfanilic acid: 0,67%, Water: 98,91%, R2: Sodium nitrite: 0,5%, Water: 99,5%	Bộ	2
10	Hóa chất định lượng Bilirubin- Total	Bộ gồm: R1:4×20 mL+R2:1×20 mL Thành phần: R1: Hydrochloric acid: 0,37%, Sulfanilic acid: 0,12%, Surfactant: 1,00%, Water: 98,51%, R2: Sodium nitrite: 0,5%, Water: 99,5%	Bộ	2
HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY MIỄN DỊCH CL-900i MINDRAY				
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Insulin	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Insulin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0,2-1.000µIU/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng insulin trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng insulin (chuột)- alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản	Test	500

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin	*Hóa chất xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0,02-100 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT trong đệm TRIS có chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	Test	400
HÓA CHẤT DÙNG VỚI MÁY PHÂN TÍCH CHỨC NĂNG ĐÔNG MÁU HUMACLOT PRO				
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Lọ 1ml - Chất thử chẩn đoán dạng ngưng kết D-Dimer (sẵn sàng sử dụng) 2 lọ x1ml. Thành phần: polystyrene bọc trong kháng thể đơn dòng chuột, đệm HEPES 10 mmol/l, albumin huyết tương bò Bovine serum albumin, chất hoạt động bề mặt, sodium azide 0,05%. - Đệm phản ứng Reaction buffer (sẵn sàng sử dụng) 2x2,5ml, thành phần: đệm HEPES 100 mmol/l, NaCl 400 mmol/l, sodium azide 0,05%. - Chất chuẩn (bột đông khô) 1x1ml, thành phần: huyết tương người tăng cường D-Dimer, đệm HEPES 33 mmol/l. - Dung môi 1x6ml, thành phần: đệm phosphate 20 mmol/l, sodium azide < 0,1%. Độ ổn định: 2 tuần ở 8-25°C hoặc 4 tuần ở 2-8°C. Riêng chất chuẩn ổn định trong 12 giờ ở 4-25°C, 1 tuần ở 2-8°C, 6 tháng ở -20°C.	Lọ	4
HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HbA1C				
14	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm HbA1C	Thành phần 1 kit test: Ammonium Chloride 0,54% Sodium, Deoxycholate Monohydrate 0,40% Sodium Azide: hàm lượng phù hợp Nước. Boronate conjugate 11µg	Test	3.000

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
HÓA CHẤT KHÁC				
15	Bộ định danh IDS 14	Hệ thống định danh trực khuẩn Gram âm. Bộ/20 test	Bộ	2
16	Dung dịch rửa quả lọc	Thành phần gồm: Peracetic acid: ~ 4.2% w/w; Hydrogen peroxide: ~ 30% w/w; Acetic acid: ~ 4.9% w/w. Can 5kg	Can	12
17	Dung dịch làm sạch máy thận nhân tạo Acid Citric	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn máy lọc thận nhân tạo. Loại bỏ các vi khuẩn hiệu quả ở nhiệt độ trên 80 ⁰ C. * Thành phần: + Axit Citric: 45-55% + Acid lactic: 0.6-0.8% + Nước tinh khiết: 54.4- 44.2%	Lít	600
18	Test phát hiện định tính HBeAg	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán viêm gan B. Dạng khay	Test	50
19	Test thử đường huyết	Theo dõi nồng độ đường trong máu động mạch, máu mao mạch, máu tĩnh mạch có thể thử được ở những vị trí khác nhau như lòng bàn tay, cẳng tay. Có kết quả 5s	Test	2.000
VẬT TƯ Y TẾ				
20	Bộ chăm sóc Catheter	*Chất liệu: làm từ vải không dệt không thấm nước, thành phần nguyên liệu là 100% Polypropylen, màu xanh *Thành phần: - 1 cái Khăn phẫu thuật 50cm x 60cm - 1 cái Khăn đắp phẫu thuật 100cm x 100cm, khoét lỗ Ø10cm. - 5 cái Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp. - 5 cái Gạc phẫu thuật không dệt 20cm x 20cm x 2 lớp. - 2 cái cốc nhựa. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE; GMP, FDA	Bộ	200

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
21	Bộ dây dẫn máu thận nhân tạo	* Chất liệu: PVC (Polyvinylchloride), không có DEHP * Bộ gồm: - Dây động mạch: Có nhánh đo áp lực trước màng. Dài: 370 - 420mm. Đường kính dây bơm máu: đường kính trong < 8mm, đường kính ngoài < 12mm. - Bầu chứa loại trung 22 mm có lưới lọc với đường kính mắt lưới khoảng 0.23mm. - Dây tĩnh mạch: Các nhánh đo áp lực và đầu nối có nắp đậy có răng và kẹp khóa an toàn, cổng tiêm thuốc chất liệu cao su y tế mềm, đàn hồi. * Tiệt trùng	Bộ	8.000
22	Bộ tiêm chích dùng cho chạy thận nhân tạo	Bộ tiêm chích FAV bao gồm: - Khăn chống thấm 40cm x 60cm (hoặc 45cm x 60cm): 1 cái - Gạc phẫu thuật không dệt 5cm x 5cm x 8 lớp: 2 miếng. - Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 4 lớp: 4 miếng - Gạc trụ tròn 2cm x 3cm: 2 cái. - Băng keo 14cm x 2cm: 6 cái. Quy cách đóng gói: 1 Bộ/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.	Bộ	7.000
23	Catheter tĩnh mạch đùi	* Kích cỡ Catheter: 12F dài 15cm * Chất liệu Catheter: Polyurethan * Kim dẫn đường chữ Y. * Tiệt trùng	Cái	5
24	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C.	Tép	120
25	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 22 mm	Tép	120

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
26	Chỉ phẫu thuật PDS II số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi SH plus dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. Đạt Tiêu Chuẩn : ISO, CE, CFG-FDA Hộp/36 tép.	Tép	12
27	Chỉ phẫu thuật PDS II số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi Atralog SH-2 plus dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày.	Tép	12
28	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 2/0, dài 75cm, 2 kim thẳng ST-70 dài 70mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài 75cm, 2 kim thẳng ST-70 bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 70mm.	Tép	10
29	Chỉ thị hoá học 2 thông số cho hấp ướt (đồ vải)	- Chỉ thị hoá học loại 4 theo ISO 11140-1:2014 - Đổi màu: Vàng sang đen - Kích thước: 200 x 15 mm $\pm$ 2% - 100% không chứa các kim loại nặng (Bi, Ni, Pb, Cr, Cu, Co) - Trên que chỉ thị in: số lô, hạn sử dụng - Điều kiện điểm cuối: 121 độ C trong 15 phút hoặc 134 độ C trong 3,5 phút $\pm$ 1 độ C - Màu chỉ thị sau tiệt khuẩn không thay đổi trong $\geq$ 6 tháng	Que	1.000

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
30	Chỉ thị sinh học dùng cho máy hấp Plasma	* Thành phần: Bào tử Geobacillus stearothermophilus. * Cho kết quả đọc từ 4-20 phút. Tương thích với máy ủ và đọc chỉ thị sinh học	Ống	50
31	Dụng cụ cố định ống nội khí quản có chống cắn	Chất liệu thân thiện với da (latex free), và miếng dán hydrocolloid có độ pH giống như da, không gây kích ứng. Kích thước trong ID: 5-10mm.	Cái	100
32	Kim cánh bướm thân nhân tạo	Kim chạy thân nhân tạo - Kim phủ Silicon, thành kim siêu mỏng, cắt vát 3 mặt sắc bén, có back eye giảm thiểu chấn thương cho bệnh nhân. - Kim được làm từ thép không gỉ SS304 - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP mềm mại, mờ và kháng xoắn - Kẹp: ngăn chặn dòng chảy của chất lỏng - Cánh bướm và được mã hoá màu theo từng kích cỡ, cánh cố định - Chiều dài kim: 25mm (± 1mm). - Chiều dài ống: 30cm, Đường kính: ID: 3.5mm, OD: 5.5mm. - Đường kính kim (mm): 16G: 1.64 - 1.66mm - Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	20.000
33	Kim tiêm Meso	Kích thước kim: Kim 34G có đường kính siêu nhỏ, giúp hạn chế tối đa tổn thương cho da. Chiều dài: 4mm - độ dài lý tưởng để tiêm dưỡng chất vào các vết nông của da mà không gây xâm lấn quá sâu. Chất liệu: Kim được làm từ thép không gỉ, đảm bảo an toàn và độ bền cao. 100 cái/ hộp	Cái	200
34	Lọ nhựa đựng bệnh phẩm	Dung tích: 55ml nhựa PS, có nắp, có nhãn, tiệt trùng	Lọ	300
35	Miếng dán điện cực tim	Nền xốp, hình tròn hoặc oval, nút điện cực bằng thép không gỉ, gel dính keo Acrylate. Dùng 1 lần	Cái	1.500

STT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
36	Que nhuộm Fluorescein sodium	Nhuộm giác mạc, được chỉ định trong điều trị phát hiện các tổn thương giác mạc. Mỗi que được đóng gói vô khuẩn riêng, chứa 1 mg Fluorescein Sodium. Hộp chứa 100 que nhuộm	Que	100
37	Quả lọc thận nhân tạo	* Chất liệu màng lọc: Polysulfone PVP * Chất liệu vỏ quả lọc: Polypropylene. * Diện tích màng 1,4m². * UF: 12 ml/h.mmHg/p. * Thể tích mỗi: 74ml. * Áp lực xuyên màng: 600mmHg. * Tiệt trùng: hơi nước inline * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE)	Quả	1.200
38	Túi Camera	01 cái túi Camera gồm có: 01 túi nylon 9cm x 14cm, có dây buộc, có bì đựng bệnh phẩm; 01 Ống Nylon đường kính 18cm x 230cm, có dây buộc. Vô trùng. Bì 1 cái	Cái	2.000
VẬT TƯ DÙNG TRONG NHÀ KHOA				
39	Bôi trơn ống tủy	* Thành phần $\geq 15\%$ EDTA * Tuýp 7g	Tuýp	1
40	Cortisomol trám bít ống tủy	Cement trám bít ống tủy - thời gian làm việc: 35 Minutes ở 23 độ C (73F), thời gian đông cứng: 45 Minutes at 37C (99F). Có khả năng trám bít kín không tạo bọt khí/ lỗ hổng, không nhiễm màu lên răng, không hòa tan trong dịch, máu	Lọ	2
41	Keo dán nha khoa	Dùng trong trám răng. Keo dán nha khoa, dùng trong phục hình các miếng trám nứt vỡ trong nha khoa.	Lọ	1
42	Khăn lau khử khuẩn bề mặt dụng cụ	Thành phần: Didecyldimethylammoniumchloride 0,76%, Ethanol 7,5%, Isopropanol 15%, hộp >150 tờ	Hộp	2
43	Lentulo ngoại	* Chất liệu thép không rỉ. * Các số: Số 25, 30. Chiều dài 21mm; 25mm.	Cây	10
44	Trâm gai lấy tủy	* Chất liệu: Thép không rỉ * Chiều dài: 21mm * Các size: 1, 2, 3	Cây	100
Tổng cộng: 44 mặt hàng				